

**BÁO CÁO  
TÀI CHÍNH NHÀ NƯỚC TỈNH QUẢNG BÌNH NĂM 2020**

Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo tình hình tài chính Nhà nước tỉnh Quảng Bình năm 2020 như sau:

**Phần thứ nhất**

**CĂN CỨ PHÁP LÝ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH NHÀ NƯỚC TỈNH NĂM 2020; BỐI CẢNH KINH TẾ XÃ HỘI VÀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ TÀI CHÍNH NHÀ NƯỚC CỦA TỈNH**

**I. CĂN CỨ PHÁP LÝ**

Thực hiện quy định tại Điều 30, Luật Kế toán số 88/2015/QH13 ngày 20/11/2015: "*Bộ Tài chính chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính nhà nước trên phạm vi toàn quốc, trình Chính phủ để báo cáo Quốc hội; chỉ đạo Kho bạc Nhà nước chủ trì, phối hợp với cơ quan tài chính lập báo cáo tài chính thuộc phạm vi địa phương, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp*"; Nghị định số 25/2017/NĐ-CP ngày 14/3/2017 của Chính phủ về Báo cáo tài chính nhà nước, Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh về Báo cáo tài chính nhà nước tỉnh Quảng Bình năm 2020.

Bên cạnh đó, việc thuyết minh, phân tích một số nội dung trọng yếu trong Báo cáo tài chính nhà nước (BCTCNN) tỉnh Quảng Bình năm 2020 còn căn cứ vào nội dung các văn bản pháp lý sau đây:

Nghị quyết số 117/2015/NQ-HĐND ngày 11/12/2015 của HĐND tỉnh về nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội 5 năm (2016-2020)

Nghị quyết số 82/NQ-HĐND ngày 12/12/2019 của HĐND tỉnh Quảng Bình về dự toán thu, chi NSNN năm 2020.

**II. BỐI CẢNH KINH TẾ XÃ HỘI VÀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ TÀI CHÍNH NHÀ NƯỚC NĂM 2020**

Tình hình kinh tế – xã hội năm 2020 của nước ta diễn ra trong bối cảnh dịch viêm đường hô hấp cấp do chủng mới của vi rút Corona (Covid-19) bùng phát mạnh và diễn biến khó lường trên phạm vi toàn cầu đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến mọi mặt kinh tế – xã hội của các quốc gia trên thế giới.

Tình hình đứt gãy thương mại quốc tế gây ra những hệ lụy tới hoạt động sản xuất và xuất, nhập khẩu của Việt Nam. Tỷ lệ thất nghiệp, thiếu việc làm ở mức cao. Bên cạnh đó, hạn hán, xâm nhập mặn, mưa, lũ ảnh hưởng đến năng suất, sản lượng cây trồng và đời sống nhân dân. ✓

Trước tình hình đó, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã kịp thời chỉ đạo quyết liệt các bộ, ngành, địa phương thực hiện đồng bộ, hiệu quả các giải pháp vừa phòng chống dịch, bảo đảm sức khỏe người dân, vừa phòng chống suy giảm kinh tế và giữ vững ổn định xã hội, nỗ lực phấn đấu cao nhất thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế – xã hội năm 2020. Nhờ đó, tình hình kinh tế – xã hội năm 2020 có chuyển biến tích cực, đạt nhiều kết quả đáng ghi nhận như:

Tốc độ tăng trưởng kinh tế (GDP) đạt 2,91%, thuộc nhóm các quốc gia có tốc độ tăng trưởng cao nhất; tổng kim ngạch xuất khẩu tăng 7%; xuất siêu khoảng 20 tỷ USD, cao nhất từ trước đến nay; chỉ số giá tiêu dùng CPI bình quân tăng 3,23%,... Kinh tế vĩ mô duy trì ổn định, các cân đối lớn của nền kinh tế được bảo đảm, hệ số tín nhiệm quốc gia được cải thiện. Các chính sách an sinh xã hội, phúc lợi xã hội, bảo vệ sức khỏe người dân được quan tâm thực hiện tốt.

Kết quả thực hiện thu NSNN năm 2020 đạt 1.507,8 nghìn tỷ đồng, tăng 158 nghìn tỷ đồng so với báo cáo Quốc hội, bằng 98% so dự toán, giảm 2,79% so với thực hiện năm 2019; tỷ lệ động viên thu NSNN đạt 24%GDP, riêng động viên từ thuế và phí đạt 19,1%GDP.

Dự toán chi NSNN là 1.773,76 nghìn tỷ đồng, thực hiện cả năm đạt 1.787,95 nghìn tỷ đồng, tăng 14,18 nghìn tỷ đồng (+0,8%) so dự toán.

Dự toán bội chi NSNN năm 2020 Quốc hội quyết định đầu năm là 234,8 nghìn tỷ đồng, bằng 3,44% GDP.

Với kết quả thu, chi NSNN năm 2020 nêu trên, bội chi NSNN là 251,35 nghìn tỷ đồng, bằng 3,99%GDP thực hiện (trong đó bội chi NSTW chỉ tăng 20,9% mức tăng Quốc hội cho phép).

Đến hết ngày 31/12/2020, dư nợ công bằng khoảng 55,3%GDP, dư nợ Chính phủ khoảng 49,1%GDP, dư nợ nước ngoài của quốc gia khoảng 47,3%GDP, trong phạm vi Quốc hội cho phép.

Năm 2020 đối với tỉnh Quảng Bình có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, là năm cuối thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm 2016 - 2020; Nghị quyết Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI, nhiệm kỳ 2015 - 2020 và là năm tiến hành Đại hội Đảng các cấp, tiến tới Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng. Ngay từ đầu năm, Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh đã tập trung chỉ đạo các cấp, ngành, địa phương triển khai đồng bộ, quyết liệt các nhiệm vụ, giải pháp về phát triển kinh tế - xã hội. Tuy vậy, việc triển khai thực hiện kế hoạch gặp rất nhiều khó khăn do đại dịch Covid-19 diễn biến phức tạp, làm ngừng trệ các hoạt động sản xuất, kinh doanh và phát triển kinh tế - xã hội; trong tháng 10 lại xảy ra liên tiếp 02 trận lũ lớn, đặc biệt đợt mưa lũ lịch sử từ ngày 16 - 20/10 gây thiệt hại rất lớn về người và tài sản. Trong bối cảnh đó, Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh luôn quán triệt, thực hiện nghiêm túc chủ trương, chỉ đạo của Trung ương, cùng với sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị, toàn dân, toàn quân chung sức, đồng lòng, nỗ lực vượt bậc, khắc phục hậu quả, tập trung thực hiện “mục tiêu kép” - vừa quyết liệt phòng chống dịch bệnh với tinh thần “chống dịch như chống giặc”, vừa quyết tâm duy trì, phục hồi, phát triển các hoạt động kinh tế -

xã hội và bảo đảm đời sống của nhân dân; triển khai đồng bộ, kịp thời các giải pháp phòng chống và khắc phục hậu quả do mưa lũ gây ra. Nhờ vậy, dịch Covid-19 trên địa bàn tỉnh được kiểm soát tốt, dần ổn định và khôi phục sản xuất sau mưa lũ; kinh tế vẫn duy trì tăng trưởng; lĩnh vực văn hóa xã hội tiếp tục được quan tâm chăm lo và chỉ đạo thực hiện; tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn được giữ vững.

Do ảnh hưởng nghiêm trọng của đại dịch Covid-19 và 02 trận lũ lụt kép, tăng trưởng kinh tế đạt thấp nhất trong vòng 30 năm trở lại đây; có 09 chỉ tiêu không đạt kế hoạch đề ra; nhiều doanh nghiệp phải ngừng hoạt động hoặc hoạt động cầm chừng, nhất là trong lĩnh vực du lịch, dịch vụ, xuất nhập khẩu; một bộ phận người lao động phải ngừng việc, dừng hợp đồng lao động không hưởng lương hoặc rơi vào tình trạng thất nghiệp; nhiều tài sản, phương tiện sinh hoạt, sản xuất của người dân thiệt hại do mưa lũ cần nhiều thời gian mới có thể khôi phục...ước tính tổng giá trị thiệt hại do bão, mưa lũ gây ra hơn 3.511 tỷ đồng. UBND tỉnh đã trích từ ngân sách tỉnh năm 2020 hơn 109,2 tỷ đồng để cấp tạm ứng cho UBND các huyện, thành phố, thị xã cứu trợ khẩn cấp cho các hộ dân có nhà ở bị ngập lụt do mưa lũ kéo dài trên địa bàn tỉnh Quảng Bình.

Năm 2020, trong điều kiện khó khăn do ảnh hưởng của dịch bệnh, UBND tỉnh đã chỉ đạo các ngành, địa phương tập trung, kiên trì triển khai thực hiện các giải pháp thu ngân sách nhà nước. Việc quản lý, điều hành chi ngân sách đảm bảo chặt chẽ, tiết kiệm, đáp ứng việc hỗ trợ, phòng chống dịch bệnh Covid - 19; tổ chức Đại hội Đảng các cấp; công tác khắc phục hậu quả lũ lụt, tăng cường quốc phòng an ninh và những nhiệm vụ quan trọng, đột xuất khác. Hoạt động tài chính nhà nước tỉnh Quảng Bình năm 2020 đã có nhiều chuyển biến tích cực. Năm 2020, tổng thu NSNN là 25.712.561 triệu đồng, đạt 188% dự toán HĐND tỉnh giao. Thu cân đối ngân sách là 5.600.443 triệu đồng, đạt 108% dự toán giao trong đó thu ngân sách địa phương được hưởng là 5.243.619 triệu đồng. Thu bổ sung từ ngân sách Trung ương thực hiện 8.035.402 triệu đồng, đạt 101% so với dự toán. Đối với các khoản thu được giao dự toán thì 9/21 khoản thu đạt và vượt dự toán Hội đồng nhân dân tỉnh giao. Chi cân đối ngân sách là 17.792.179 triệu đồng đạt 138 % so với dự toán giao, bao gồm: chi đầu tư phát triển 5.315.615 triệu đồng, đạt 110% so với dự toán địa phương giao; chi thường xuyên 7.718.381 triệu đồng, đạt 92,4% dự toán giao.

## **Phần thứ hai**

### **VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH NHÀ NƯỚC TỈNH QUẢNG BÌNH NĂM 2020**

#### **I. SỐ LIỆU BÁO CÁO TÀI CHÍNH NHÀ NƯỚC**

##### **1. Báo cáo tình hình tài chính nhà nước (Mẫu phụ lục I đính kèm)**

Báo cáo tình hình tài chính nhà nước (BCTHTCNN) phản ánh tình hình tài sản và nguồn hình thành tài sản nhà nước tỉnh tại thời điểm 31/12/2020. Cụ thể,

Báo cáo này phản ánh quy mô tài sản khu vực nhà nước, đang nằm ở đâu và được hình thành từ những nguồn nào.

Theo đó, tại phần A: Tài sản nhà nước tính tại ngày 31/12/2020 là: 67.408.023 triệu đồng, trong đó:

- Tiền tại quỹ ngân sách nhà nước, quỹ dự trữ tài chính và các cơ quan, đơn vị thuộc khu vực Nhà nước 5.571.329 triệu đồng, chiếm 8,2% tổng tài sản;

- Các khoản đầu tư tài chính (ngắn hạn, dài hạn) tại các cơ quan, đơn vị thuộc khu vực Nhà nước 1.536.331 triệu đồng, chiếm 2,2% tổng tài sản; trong đó vốn Nhà nước đầu tư tại các doanh nghiệp, ngân hàng và các tổ chức tài chính do địa phương quản lý 1.388.190 triệu đồng (số liệu được cung cấp bởi Sở tài chính tỉnh Quảng Bình);

- Các khoản phải thu của Nhà nước 2.153.206 triệu đồng, chiếm 3,2% tổng tài sản;

- Hàng tồn kho gồm: hàng hóa dự trữ quốc gia và nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ tại các cơ quan, đơn vị thuộc khu vực Nhà nước 97.177 triệu đồng;

- Tài sản cố định (giá trị còn lại sau khấu hao, hao mòn) là 52.262.554 triệu đồng, chiếm 77,5% tổng tài sản, gồm tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ và nước sạch do địa phương quản lý và tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình tại các cơ quan, đơn vị thuộc khu vực Nhà nước;

- Giá trị xây dựng cơ bản dở dang tại các cơ quan, đơn vị thuộc khu vực Nhà nước 5.753.013 triệu đồng, chiếm 8,5% tổng tài sản;

- Các tài sản (ngắn hạn, dài hạn) khác của Nhà nước 34.397 triệu đồng, chiếm tỷ lệ rất nhỏ trong tổng tài sản.

Tương ứng với các tài sản nêu trên, BCTHTCNN tỉnh phản ánh nguồn hình thành các tài sản này. Các tài sản nêu trên được hình thành chủ yếu từ nguồn vốn (vốn chủ sở hữu) của nhà nước (được hình thành và tích lũy qua các năm từ hoạt động thu chi tài chính, ngân sách) và nguồn thặng dư (lũy kế).

- Tại phần B: Giá trị Nợ phải trả ngắn hạn 1.510.027 triệu đồng (chiếm 84,7% giá trị Nợ phải trả), Trong đó: Nợ ngắn hạn 8.486 triệu đồng; Các khoản phải trả ngắn hạn khác 1.501.540 triệu đồng gồm các khoản: Nợ phải trả nhà cung cấp, Tạm thu chưa đưa vào doanh thu của các đơn vị sự nghiệp công lập, các quỹ đặc thù của các đơn vị dự toán cấp I.

- Nợ phải trả dài hạn chiếm tỷ trọng thấp (272.110 triệu đồng, chiếm 15,3% tổng nợ phải trả). Trong đó các khoản phải trả của đơn vị dự toán là 3.570 triệu đồng, số dư vay nợ của chính quyền địa phương 268.289 triệu đồng, đối chiếu khớp đúng với Sở Tài chính Quảng Bình báo cáo tại thời điểm quyết toán Ngân sách địa phương tháng 10/2021 (số hạch toán theo dõi trên hệ thống Tabmis). Tuy nhiên, số báo cáo nợ chính quyền địa phương năm 2020 thực tế là 293.037 triệu đồng, lệch so với hạch toán trên Tabmis là 24.748 triệu đồng (nguyên nhân chênh lệch do số dư của Dự án phát triển nông thôn bền vững vì người nghèo

chưa được phản ánh trên hệ thống Tabmis do đang thực hiện Luật Ngân sách nhà nước 2002).

- Thặng dư lũy kế đạt 52.033.639 triệu đồng (chiếm 77% tổng nợ phải trả và nguồn vốn). Thực chất của số thặng dư lũy kế này trên BCTCNN tỉnh năm 2020 chính là một nguồn lực tài chính tiềm năng mà nhà nước đang và sẽ được hưởng lợi do chênh lệch của hoạt động thu, chi tài chính từ các năm trước đây cho việc phát triển kinh tế xã hội và từ sự phát triển kinh tế xã hội mang lại. Về mặt vật chất, nguồn lực tài chính này hiện hữu chủ yếu qua khoản giá trị tiền và tương đương tiền của nhà nước và giá trị còn lại các tài sản cố định của tỉnh như đã nêu.

Số liệu này sẽ là một căn cứ tài chính cho việc lập kế hoạch NSNN, kế hoạch tài chính nhà nước trong các năm tiếp theo. Trong trường hợp thâm hụt, nó phản ánh khả năng rủi ro hoặc khả năng mất cân đối tài chính, hoặc các nghĩa vụ tài chính mà nhà nước phải bù đắp trong các năm sau và cần tìm cách bổ sung nguồn thu hoặc tiết giảm các chi phí cho phù hợp, tiết kiệm và hiệu quả hơn trong quản lý nền kinh tế xã hội bằng các biện pháp tài chính.

- Nguồn vốn khác đạt 1.417.636 triệu đồng (chiếm 2% tổng nợ phải trả và nguồn vốn). Nguồn vốn khác này được hình thành từ các quỹ của các đơn vị dự toán cấp I và tài sản thuần của các đơn vị áp dụng chế độ kê toán khác.

## **2. Báo cáo Kết quả hoạt động tài chính nhà nước (Phụ lục II đính kèm)**

Khác với BCTHTCNN năm 2020 phản ánh tài sản và nguồn hình thành (lũy kế) của nhà nước đến hết năm 2020, thì BCKQHĐTCNN năm 2020 chỉ phản ánh số liệu doanh thu và chi phí của khu vực nhà nước theo từng năm của 2 năm liền kề (2019 và 2020).

Về mặt nguyên tắc, đối với doanh nghiệp, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là báo cáo tài chính tổng hợp, phản ánh tổng quát tình hình và kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) trong một kỳ hoạt động của doanh nghiệp và chi tiết cho các hoạt động kinh doanh chính. Đối với khu vực nhà nước, báo cáo này chỉ ra sự cân bằng giữa thu nhập (doanh thu) và chi phí trong từng kỳ kế toán của khu vực nhà nước, trong đó tập trung vào hoạt động thu, chi thuộc NSNN và các hoạt động ngoài NSNN của các đơn vị thuộc khu vực nhà nước (ví dụ: hoạt động sản xuất kinh doanh của các đơn vị sự nghiệp; hoạt động thu chi từ khoản phí được khấu trừ để lại cho đơn vị...).

Theo đó, tổng doanh thu năm 2020 của tỉnh Quảng Bình là 14.328.237 triệu đồng; trong đó doanh thu thuộc NSNN chiếm tỷ trọng lớn (93,2% tổng doanh thu), đạt 13.360.673 triệu đồng. Trong đó, doanh thu từ thuế chỉ đạt 1.317.006 triệu đồng (chiếm 9,9% doanh thu thuộc NSNN) và doanh thu khác đạt 11.643.820 triệu đồng (chiếm 87% doanh thu thuộc NSNN) đây chủ yếu là khoản bổ sung cân đối từ ngân sách cấp trên và thu khác từ báo cáo của cơ quan thuế.

Chi phí từ nguồn NSNN cũng chiếm tỷ trọng lớn, đạt 7.113.802 triệu đồng (chiếm 86% tổng chi phí). Trong đó, chủ yếu là chi phí tiền lương, tiền công và

chi phí khác cho con người đạt 2.681.876 triệu đồng (chiếm 37,6% chi phí từ nguồn NSNN). Chi phí hao mòn 2.362.395 triệu đồng, chiếm tỷ lệ 33%; chi khác 1.848.086 triệu đồng, chiếm tỷ lệ 26,4% chi từ nguồn NSNN. Doanh thu thuộc NSNN và chi phí thuộc NSNN của năm 2020 chênh lệch thặng dư 6.246.870 triệu đồng, chiếm khoảng 9,2% trên tỷ trọng tổng tài sản của tỉnh cuối năm 2020 (67.408.023 triệu đồng- số liệu trên Báo cáo tình hình tài chính nhà nước 2020).

Như vậy, các hoạt động thu chi NSNN vẫn là nguồn hình thành chủ yếu cho các khoản thặng dư tài chính hàng năm của tỉnh. Đây là một kết quả tích cực, tạo nguồn lực tài chính cho việc thực hiện các nhiệm vụ kinh tế xã hội của tỉnh trong những năm tiếp theo.

Doanh thu và chi phí của hoạt động ngoài NSNN còn chiếm tỷ trọng nhỏ. Điều này phản ánh các khoản thu chi NSNN nước vẫn là hoạt động tài chính chủ yếu của nhà nước; mức độ xã hội hóa các khoản thu, chi (sự nghiệp, dịch vụ...) từ khu vực nhà nước còn thấp.

### **3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (Phụ lục III đính kèm)**

Trên BCLCTT năm 2020 đầy đủ số liệu hơn so với năm 2019 (năm 2019 không có phần số liệu của năm 2018 do năm 2018 là năm đầu tiên lập BCTCNN, chưa có số liệu luồng tiền cuối kỳ của năm 2017 nên không thể tính toán được đầy đủ số liệu về luồng tiền liên quan đến các hoạt động tài chính của toàn bộ khu vực nhà nước tỉnh).

Số liệu tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ 2020 khớp số liệu về tiền và các khoản tương đương tiền trên BCTHTCNN năm 2020.

Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động chủ yếu trên phạm vi tỉnh năm 2020 là 2.034.486 triệu đồng (dòng tiền thu vào), trong đó gồm thu vào từ thặng dư năm 2020 là 6.068.990 triệu đồng và chi ra từ điều chỉnh các khoản là 4.034.503 triệu đồng.

Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư trên phạm vi tỉnh năm 2020 là 1.418.056 triệu đồng (dòng tiền chi ra), trong đó tiền chi ra cho hoạt động mua sắm, đầu tư xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác là 2.250.280 triệu đồng, tiền thu vào từ các khoản cho vay, thu từ bán cổ phần, vốn góp và các khoản đầu tư là 781.957 triệu đồng (tập trung chủ yếu tại Quỹ phát triển đất tỉnh Quảng Bình)

Lưu chuyển tiền tệ từ hoạt động tài chính năm 2020 trên phạm vi tỉnh là 114.834 triệu đồng (dòng tiền vào), trong đó dòng tiền ra từ chi hoàn trả gốc vay là 43.723 triệu đồng, dòng tiền vào từ khoản đi vay là 157.973 triệu đồng tăng tuyệt đối so với năm 2019 là 155.108 triệu đồng.

Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ: Phản ánh chênh lệch giữa tổng số tiền thực thu vào với tổng số tiền thực chi ra từ các hoạt động chủ yếu, hoạt động đầu tư và hoạt động tài chính. Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ năm 2020 trên phạm vi tỉnh là 731.264 triệu đồng. ✓

#### **4. Thuyết minh BCTCNN (Phụ lục IV đính kèm)**

Theo quy định, Thuyết minh BCTCNN tỉnh bao gồm 2 phần: Phần thuyết minh (phần lời) và phần số liệu. Phần thuyết minh nêu một số các nội dung liên quan để làm rõ hơn về tình hình kinh tế xã hội, các nguyên tắc, phương pháp kế toán, tổng hợp số liệu... và đặc biệt là giải thích rõ hơn một số số liệu chi tiết trong báo cáo mà các số liệu tổng hợp trên 3 báo cáo tài chính nhà nước nêu trên chưa chi tiết được. Phần số liệu được nêu chi tiết hơn đối với một số số liệu quan trọng, trọng yếu trong 3 báo cáo đã nêu như: chi tiết và biến động các loại tài sản cố định của tỉnh; chi tiết về đầu tư vốn nhà nước tỉnh tại doanh nghiệp; chi tiết các nguồn doanh thu từ các loại thuế (TNDN, VAT...), phí, lệ phí và doanh thu khác...

#### **5. Giải trình một số khác biệt trọng yếu giữa BCTCNN tỉnh Quảng Bình và báo cáo quyết toán NSNN tỉnh năm 2020**


Do phạm vi và phương pháp lập BCTCNN khác với báo cáo quyết toán NSNN nên số liệu trên BCTCNN và Báo cáo quyết toán NSNN có nhiều điểm khác biệt giữa các chỉ tiêu, cung cấp những cách nhìn khác nhau giữa số liệu tài chính nhà nước và NSNN.

Một số khác biệt trọng yếu giữa các chỉ tiêu như sau:

- Khác biệt giữa số liệu doanh thu thuộc NSNN và số thu NSNN năm 2020: Doanh thu NSNN phản ánh cả số liệu phải thu NSNN của cơ quan thuế đến hết 2020, do cơ quan thuế quản lý phát sinh trong năm theo Tờ khai của người nộp thuế, văn bản xác định nghĩa vụ thuế của cơ quan nhà nước có thẩm quyền sau khi đã tính trừ đi khoản giảm thu phát sinh trong năm báo cáo; trong khi đó số quyết toán thu NSNN 2020 chỉ phản ánh số thực thu NSNN 2020.

- Khác biệt giữa số chi phí từ nguồn NSNN 2020 và số liệu chi NSNN 2020.

Trong số chi phí từ nguồn NSNN cho đầu tư XD CB, số liệu chi phí khấu hao, hao mòn TSCĐ (hình thành từ NSNN do mua sắm hoặc do chi đầu tư XD CB) chỉ được trích dần theo từng năm (tương ứng với tỷ lệ khấu hao, hao mòn theo quy định) từ khi bàn giao TSCĐ hoặc công trình XD CB vào sử dụng; trong khi đó số chi NSNN cho ĐTXD CB hàng năm cho công trình được tổng hợp toàn bộ vào báo cáo quyết toán chi NSNN theo niên độ ngân sách. Ngoài ra, theo phương pháp tổng hợp BCTCNN, chi phí từ nguồn NSNN không tổng hợp các số liệu chi NSNN như: chi chuyển nguồn; loại trừ các khoản chi bổ sung cân đối, bổ sung mục tiêu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương; chi cho hoạt động an ninh, quốc phòng; chi hỗ trợ cho các đơn vị khác đóng trên địa bàn.

- Khác biệt giữa số thặng dư (thâm hụt) và kết dư NSNN 2020: Từ sự khác biệt về doanh thu với thu NSNN, chi phí với chi NSNN nêu trên dẫn đến sự khác biệt về số liệu giữa thặng dư và kết dư NSNN 2020. 

## II. KIẾN NGHỊ, BÁO CÁO HỌND TỈNH

- Về việc quản lý các nguồn thu tài chính: Trên BCTCNN tỉnh Quảng Bình năm 2020 cũng như các năm trước thể hiện rõ nguồn thu chính thuộc NSNN là doanh thu từ thuế. Vì vậy, cùng với việc tiếp tục duy trì và tăng cường nuôi dưỡng các khoản thu từ thuế, đề nghị HỌND tỉnh quan tâm, chỉ đạo tăng cường và đa dạng hóa các nguồn thu ngoài thuế: khoản thu phí của đơn vị sự nghiệp; thu từ các hoạt động kinh doanh của các lĩnh vực là lợi thế của tỉnh (hoạt động du lịch, dịch vụ; khu công nghiệp nằm gần trung tâm tỉnh ...) để giảm tác động của các khoản thu mang tính phụ thuộc, không bền vững và về lâu dài sẽ cạn kiệt (như khoản thu từ quyền sử dụng đất, thu bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên hiện vẫn đang chiếm tỷ trọng lớn trong các khoản thu tài chính); tiếp tục chỉ đạo triển khai các giải pháp tăng thu, chống thất thu thuế, trong đó tập trung chống thất thu trong lĩnh vực kinh doanh nhà hàng, khách sạn; kinh doanh bất động sản.

- Về việc quản lý chi phí: Cơ cấu chi phí vẫn chủ yếu là chi cho con người và chi xây dựng cơ bản. Do đó, đề nghị tiếp tục đẩy mạnh việc triển khai thực hiện cơ chế tự chủ về biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước gắn với chủ trương tinh giản biên chế và sắp xếp lại tổ chức bộ máy; nâng cao tính tự chủ và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập. Tiếp tục tăng cường các giải pháp đẩy nhanh tiến độ các công trình đầu tư xây dựng cơ bản, tiết kiệm các chi phí tài chính góp phần thúc đẩy các hoạt động kinh tế xã hội, từ đó tác động lại đến khả năng tạo nguồn cho hoạt động thu tài chính. Tiếp tục điều hành ngân sách chặt chẽ, linh hoạt; đảm bảo đủ nguồn lực để thực hiện các chế độ chính sách do trung ương và địa phương ban hành, không để xảy ra tình trạng nợ chính sách.

Trên đây là Báo cáo tài chính nhà nước tỉnh Quảng Bình năm 2020, Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh./.

### Nơi nhận:

- Như trên;
- TT HỌND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Đại biểu HỌND tỉnh;
- Ban KT-NS, HỌND tỉnh;
- VP Đoàn ĐBQH và HỌND tỉnh;
- VP UBND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- Kho bạc Nhà nước tỉnh;
- Lưu: VT, TH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



Phan Mạnh Hùng